

(Dự Thảo)

NỘI DUNG
DỰ ÁN RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY HOẠCH
3 LOẠI RỪNG TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo công văn số...../SNN-KHTC ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

1. Tên dự án: Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch lại 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn.

2. Sự cần thiết, tính cấp bách và ý nghĩa của việc điều chỉnh quy hoạch

Bắc Kạn là tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Bắc, cách thủ đô Hà Nội khoảng 200 km về phía Bắc theo quốc lộ 3. Toàn tỉnh có 8 huyện với 122 xã/phường, tổng diện tích tự nhiên 485.996,0 ha, trong đó đất nông nghiệp có diện tích 459.711,91 ha (chiếm 94,6% tổng diện tích), đất lâm nghiệp 413.639,02 (chiếm 85, 11%); đất phi nông nghiệp có 18.943,38 ha (3.89%) và đất chưa sử dụng 7.280,71 ha (1,49%) (Báo cáo kiểm kê diện tích đất đai tỉnh Bắc Kạn, 2015).

Với diện tích đất lâm nghiệp chiếm trên 85% tổng diện tích toàn tỉnh và vị trí vô cùng quan trọng trong kinh tế, xã hội của tỉnh và đặc biệt là đối với đời sống của đồng bào các dân tộc sống ở vùng nông thôn, miền núi. Nhận thức được điều đó năm 2007 UBND tỉnh Bắc Kạn đã phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng theo chỉ thị 38/2005/TTg tại quyết định số 757/2007/QĐ-UBND ngày 21/05/2007 để quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp đạt hiệu quả tốt.

Từ khi quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn được phê duyệt đến nay, đã có rất nhiều các chương trình dự án bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh được xây dựng dựa vào kết quả quy hoạch 3 loại rừng, các dự án đã đạt được những thành tựu đáng kể, góp phần bảo vệ diện tích rừng hiện có, phát triển rừng làm tăng độ che phủ rừng lên 70,8% .

Tuy nhiên, sau gần 10 năm thực hiện, kết quả trên đã và đang bộc lộ một số tồn tại, hạn chế và bất cập, đặc biệt nhiều diện tích được quy hoạch theo chức năng 3 loại rừng trước đây đến nay không còn phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, cũng như không còn đáp ứng được các tiêu chí theo Quy chế quản lý rừng phòng hộ được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015. Cụ thể:

- Do nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, nhiều diện tích đã chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để xây dựng giao thông, cơ sở hạ tầng, khu tái định cư, khai thác khoáng sản...đến nay có nhiều diện tích quy hoạch không còn phù hợp với điều kiện thực tế.

- Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng và Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp có sự

chồng chéo về mục đích sử dụng. Vì thế mà nhiều trường hợp về mục đích sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng theo quy hoạch 3 loại rừng, điển hình tại huyện Chợ Đồn có khoảng trên 8.401 ha (theo văn bản số 512/UBND-TNMT ngày 20/5/2015 của UBND huyện Chợ Đồn về việc chồng chéo mục đích sử dụng đất), dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý và sử dụng đất.

- Tổng hợp diện tích Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, đề nghị điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng khoảng 7.081,06 ha, trong đó: thành phố Bắc Kạn đề nghị điều chỉnh 125,40 ha, huyện Na Rì 1.618,17 ha, huyện Pác Nặm 810,43 ha, huyện Bạch Thông 2.086,90 ha, huyện Ba Bể 1.248,06 ha, huyện Chợ Đồn 1.192,10.

- Có sự sai khác, không trùng khớp về ranh giới địa chính giữa các xã, đặc biệt là ranh giới hành chính giữa các tỉnh tại một số khu vực không phù hợp.

- Một số diện tích được quy hoạch theo chức năng phòng hộ, sản xuất tại bản đồ quy hoạch 3 loại rừng còn chưa phù hợp, nhiều khu vực trên thực tế là khu rừng giàu, có trữ lượng và mật độ cây lớn, một số khu vực là rừng trên núi đá có sự đa dạng sinh học cao, có nhiều loài động, thực vật quý hiếm tuy nhiên theo Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng thì toàn bộ các khu rừng trên được quy hoạch là rừng sản xuất và ngược lại.

- Theo đề nghị của cử tri nhiều diện tích mong muốn được chuyển đổi từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất để phục vụ phát triển kinh tế được thuận lợi hơn.

Để kịp thời khắc phục những tồn tại, bất cập nêu trên, tạo sự thống nhất trong quản lý các hệ thống bản đồ quy hoạch giữa các ngành, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương Sở Nông Nghiệp và PTNT tiến hành xây dựng đề cương rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3. Các căn cứ pháp lý

- Căn cứ luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;
- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;
- Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
- Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
- Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ;

- Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội: quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

- Căn cứ Quyết định 62/2005/QĐ - BNN ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, về việc ban hành bản quy định về tiêu chí phân cấp rừng đặc dụng;

- Căn cứ Thông tư hướng dẫn số 24/2009/TT-BNN, ngày 05/5/2009 của Bộ Nông nghiệp & PTNT, về việc hướng dẫn chuyển đổi rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được quy hoạch sang rừng sản xuất và ngược lại từ rừng sản xuất sang rừng phòng hộ, rừng đặc dụng sau rà soát quy hoạch 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Căn cứ quyết định số 845/QĐ-BNN-TCLN ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc ban hành bộ tiêu chí rà soát diện tích quy hoạch đất rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu chuyển sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất;

- Căn cứ Kế hoạch số 8418/KH-BNN-TCLN ngày 13/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về rà soát diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu điều chỉnh sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất;

- Căn cứ Quyết định số 757/2007/QĐ- UBND ngày 21/05/2007 của UBND tỉnh Bắc Kạn, về việc phê duyệt kết quả rà soát quy hoạch lại 3 loại rừng Tỉnh Bắc Kạn.

- Căn cứ văn bản số 286/UBND-NLN ngày 21 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn.

4. Phạm vi, thời kỳ của việc rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch

- Phạm vi quy hoạch: quy hoạch 3 loại rừng trên phạm vi toàn tỉnh Bắc Kạn.

- Thời kỳ quy hoạch từ năm 2016 trở đi.

5. Nội dung chủ yếu của việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch:

5.1. Phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội:

a) Nội dung:

- Điều tra nguồn nhân lực gồm số lượng, cơ cấu dân số, trình độ lao động;

- Điều tra tập quán canh tác và sử dụng rừng của các dân tộc trong khu vực;
- Điều tra thực trạng kinh tế (nông nghiệp, lâm nghiệp, di lịch, thương mại, công nghiệp...);
- Đánh giá sơ bộ thực trạng kinh tế, thu nhập và đời sống của nhân dân;
- Điều tra đánh giá thực trạng cơ sở hạ tầng, văn hoá xã hội...
- Tìm hiểu định hướng phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch của tỉnh và của các ngành tài nguyên môi trường, Giao thông, thuỷ lợi, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ...;
- Tìm hiểu cơ chế, chính sách đối với lâm nghiệp;
- Tìm hiểu nguyện vọng người dân trong sản xuất lâm nghiệp và trồng rừng, kinh doanh rừng;
- Điều tra các hoạt động khác có liên quan.

b) Phương pháp:

- Thống kê, thu thập số liệu dân sinh, thực trạng kinh tế, thực trạng cơ sở hạ tầng văn hoá xã hội có liên quan tại các cơ quan thống kê các cấp từ tỉnh tới huyện;
- Sử dụng phương pháp PRA và phương pháp chuyên gia để thu thập, đánh giá các kết quả hoạt động sản xuất lâm nghiệp sau khi có quy hoạch 3 loại rừng theo chỉ thị 38/2005/TTg tại các Sở NN&PTNT, Chi cục lâm nghiệp, Chi cục kiểm lâm; chủ dự án, UBND các huyện, thành phố;
- Sử dụng phương pháp PRA, phỏng vấn các cơ quan quản lý, chủ dự án và người tham gia dự án;
- Phương pháp chuyên gia: Phân tích, so sánh đối chiếu và đánh giá.

c) Khối lượng:

- Thu thập số liệu tại các cơ quan tỉnh gồm: Cục Thống kê, Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm, Sở kế hoạch và đầu tư, Sở tài nguyên môi trường...;
- Thu thập số liệu tại phòng Thống kê, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng kinh tế, Hạt Kiểm lâm của 08 huyện, thành phố...

5.2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 757/2007/QĐ-UBND ngày 21/5/2007 của UBND tỉnh đến nay:

a) Nội dung:

- Đánh giá tình hình sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn trước khi điều chỉnh;
- Đánh giá các thành tựu, tồn tại, bất cập;
- Đánh giá nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp PRA, phỏng vấn các cơ quan quản lý, chủ dự án và người tham gia dự án;
- Phương pháp chuyên gia: Phân tích, so sánh đối chiếu và đánh giá.

c) Khối lượng:

- Làm việc với các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý lâm nghiệp các cấp: 08 huyện, thành phố và một số xã.

5.3. *Luận chứng phương án điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn:*

5.3.1. Thu thập các tài liệu liên quan:

a) Các tài liệu thu thập:

- File số Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tỉnh năm 2007;
- File số Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh (theo kết quả điều tra, kiểm kê rừng công bố năm 2013);
- File số Bản đồ kiểm kê đất đai tỉnh năm 2014;
- Bản đồ, văn bản các dự án lâm nghiệp hiện có;
- Thu thập những tồn tại, bất cập, hoặc vướng mắc trong quá trình thực hiện quy hoạch 3 loại rừng tại Quyết định số 757/2007/QĐ-UBND ngày 21/5/2007 của UBND tỉnh Bắc Kạn;
- Thu thập các thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội.

b) Phương pháp thu thập:

Thu thập tài liệu tại các cơ quan: Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Lâm nghiệp, Cục thống kê, các phòng, ban chức năng chuyên môn ở huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn.

c) Khối lượng: Cấp tỉnh: 5 cơ quan; cấp huyện: 08 huyện, thành phố; 122 xã, thị trấn, phường.

5.3.2. Rà soát rừng đặc dụng:

a) Nội dung:

- Làm việc với Ban quản lý rừng đặc dụng, UBND các xã có rừng đặc dụng thống nhất các vị trí nội dung cần điều chỉnh ranh giới rừng đặc dụng;
- Kiểm tra, khảo sát điều chỉnh ranh giới rừng đặc dụng trong phòng và ngoài thực địa;
- Thống nhất ranh giới rừng đặc dụng từ xã, huyện, tỉnh.
- Thống kê hiện trạng rừng đặc dụng thay đổi theo kết quả điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng (nếu có);
- Thống nhất điều chỉnh ranh giới các khu đặc dụng (nếu có);
- Thống kê lại diện tích các loại đất theo kết quả điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng (nếu có).

b) Phương pháp:

- Trên cơ sở bản đồ quy hoạch rừng đặc dụng hiện có, tiến hành kiểm tra, rà soát toàn bộ diện tích trên thực địa, tiến hành điều chỉnh ranh giới, hiện trạng có bất cập trên thực địa, ghi lại những thay đổi sau đó về bổ sung, điều chỉnh trên bản đồ.

- Sử dụng GPS và khoan theo dốc đối diện để kiểm chứng thực địa;
- Sử dụng phần mềm Mapinfo và Excel để tổng hợp số liệu.

c) Khối lượng:

- Làm việc với các ban quản lý rừng đặc dụng:
 - + BQL Vườn Quốc Gia Ba Bể;
 - + BQL Khu bảo tồn Thiên nhiên Kim Hỷ;
 - + BQL Khu bảo tồn Loài Nam Xuân Lạc.
- Khảo sát kiểm chứng, thống nhất tại thực địa các xã;
- Thống kê diện tích các loại rừng đặc dụng trong xã, tổng hợp theo huyện và toàn tỉnh.
- Tổ chức họp và thống nhất những điều chỉnh, bổ sung ở các cấp (xã, huyện, tỉnh).

5.3.3. Rà soát, điều chỉnh rừng phòng hộ:

a) Nội dung:

- Rà soát, điều chỉnh rừng phòng hộ xung yếu:
 - + Làm việc với các xã, phường, thị trấn; tiến hành rà soát toàn bộ để xác định các đối tượng cần điều chỉnh;
 - + Kiểm tra, khảo sát điều chỉnh ranh giới các loại rừng đã xác định điều chỉnh trong phòng và ngoài thực địa;
 - + Thống nhất ranh giới rừng phòng hộ từ xã, huyện, tỉnh;
 - + Thống kê hiện trạng rừng phòng hộ thay đổi theo kết quả điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng (nếu có).
- Rà soát, điều chỉnh rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất gắn với việc sắp xếp lại các nông, lâm trường, công ty lâm nghiệp để kinh doanh rừng đảm bảo hiệu quả kinh tế và sử dụng tổng hợp các nguồn lợi khác của rừng một cách bền vững theo đúng quy định của pháp luật.
- + Rà soát hiện trạng diện tích đất chưa có rừng và diện tích có khả năng để phát triển trồng rừng sản xuất, đất có rừng trồng và rừng tự nhiên nghèo kiệt.
- + Căn cứ tiêu chí rừng phòng hộ ít xung yếu (theo quyết định số 845/QĐ-BNN-TCLN ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT) để xác định quy mô diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu được phép chuyển đổi.

b) Phương pháp:

- Trên cơ sở bản đồ quy hoạch rừng phòng hộ hiện có, tiến hành kiểm tra, rà soát toàn bộ diện tích trên thực địa, tiến hành điều chỉnh ranh giới, hiện trạng có bất cập trên thực địa, ghi lại những thay đổi sau đó về bổ sung, điều chỉnh trên bản đồ.
- Sử dụng GPS và khoan theo dốc đối diện để kiểm chứng thực địa;
- Sử dụng phần mềm Mapinfo và Excel để tổng hợp số liệu.

c) Khối lượng:

- Làm việc với Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn và Chi cục Kiểm lâm, Chi cục phát triển lâm nghiệp, UBND các huyện, các xã, thị trấn thu thập bản đồ quy hoạch 3 loại rừng, thống nhất kế hoạch triển khai thực hiện;

- Khảo sát kiểm chứng thống nhất tại thực địa 122 xã;

- Thống kê diện tích các loại rừng trong khu phòng hộ sau khi đã điều chỉnh ranh giới trên địa bàn 122 xã, tổng hợp theo 08 huyện và toàn tỉnh;

- Tổ chức họp và thống nhất những điều chỉnh, bổ sung ở các cấp (xã, huyện, tỉnh).

5.3.4. Rà soát, điều chỉnh rừng sản xuất:

a) Nội dung:

- Làm việc với các xã, phường; tiến hành rà soát toàn bộ để xác định các đối tượng cần điều chỉnh;

- Kiểm tra, khảo sát điều chỉnh ranh giới các loại rừng đã xác định điều chỉnh trong phòng và ngoài thực địa;

- Thống nhất ranh giới rừng sản xuất từ xã, huyện, tỉnh;

- Thống kê hiện trạng rừng theo kết quả điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng sau khi rà soát điều chỉnh.

b) Phương pháp:

- Trên cơ sở bản đồ quy hoạch rừng sản xuất hiện có, rà soát toàn bộ diện tích trên thực địa, tiến hành điều chỉnh ranh giới, hiện trạng có bất cập trên thực địa, ghi lại những thay đổi sau đó về bổ sung, điều chỉnh trên bản đồ;

- Sử dụng GPS và khoan theo dốc đối diện để kiểm chứng thực địa;

- Sử dụng phần mềm Mapinfo và Excel để tổng hợp số liệu.

c) Khối lượng:

- Làm việc với Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn và Chi cục Kiểm lâm, Chi cục phát triển lâm nghiệp, UBND các huyện, các xã, thị trấn, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn; thu thập bản đồ quy hoạch 3 loại rừng, thống nhất kế hoạch triển khai thực hiện;

- Khảo sát kiểm chứng thống nhất tại thực địa 122 xã, phường;

- Thống kê diện tích các loại rừng sản xuất khi đã điều chỉnh ranh giới trên địa bàn 122 xã, tổng hợp theo 08 huyện và toàn tỉnh;

- Tổ chức họp thông qua những điều chỉnh, bổ sung ở các cấp (xã, huyện, tỉnh).

5.3.5. Rà soát rừng nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng:

a) Nội dung:

Rà soát, thống kê tất cả các diện tích rừng nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng để đưa vào quy hoạch 3 loại rừng.

b) Phương pháp:

Tiến hành rà soát các diện tích rừng nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng để điều chỉnh, đưa vào quy hoạch 3 loại rừng.

c) Khối lượng:

- Làm việc với Phòng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn và Hạt Kiểm lâm, tại 08 huyện xác định các diện tích rừng nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng, để đưa vào quy hoạch 3 loại rừng;

- Khảo sát kiểm chứng thống nhất tại thực địa 122 xã, phường;

- Thống kê diện tích các loại rừng nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng (nếu có), điều chỉnh đưa vào quy hoạch 3 loại rừng;

- Tổ chức họp thông qua những điều chỉnh, bổ sung ở các cấp ở các cấp (xã, huyện, tỉnh).

5.4. Xác định các giải pháp về cơ chế, chính sách và đề xuất các phương án thực hiện.

5.5. Xây dựng danh mục công trình, dự án sau khi điều chỉnh quy hoạch.

6. Sản phẩm của dự án quy hoạch:

6.1. Các báo cáo thuyết minh:

- Báo cáo thuyết minh đầy đủ và báo cáo tóm tắt rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh, kèm theo hệ thống bảng biểu (30 bộ).

6.2. Bản đồ:

- Loại bản đồ: Gồm 3 loại theo các cấp xã, huyện, tỉnh như sau:

+ Bản đồ hiện trạng rừng năm 2016.

+ Bản đồ điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng.

- Tỷ lệ và số lượng bản đồ:

+ Cấp xã: tỉ lệ 1:10.000; 05 bộ/xã.

+ Cấp huyện: Tỷ lệ 1:50.000; 05 bộ/huyện.

+ Cấp tỉnh: Tỷ lệ 1:100.000; 05 bộ.

6.3. Dữ liệu số: 20 đĩa DVD chứa File bản đồ và số liệu kèm theo.

7. Dự toán kinh phí: 2.370.699.000 đồng

8. Tiến độ thực hiện:

- Xây dựng đề cương, dự toán và trình duyệt: Tháng 11 năm 2016.

- Xây dựng bản đồ ngoại nghiệp: Tháng 11-12 năm 2016.

- Kiểm chứng thực địa: Tháng 01 - 02 năm 2017.

- Hội thảo, hoàn chỉnh tài liệu, trình duyệt các cấp: Tháng 3 năm 2017.

- Trình HĐND thông qua tháng 6 năm 2017.
- Trình UBND tỉnh phê duyệt: Tháng 07 năm 2017.
- In ấn, bàn giao thành quả tháng 8 năm 2017.

9. Dự toán kinh phí

9.1. Căn cứ xây dựng dự toán

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP, ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP, ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP, ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

- Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT, ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB, ngày 26 tháng 02 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Định mức lao động điều tra quy hoạch rừng;

- Nghị định số 66/2013/NĐ-CP, ngày 27 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ về việc quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Thông tư số 97/2010/TT- BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Quyết định số 14/QĐ-UNREDD ngày 23 tháng 6 năm 2016 của BQL Chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp cơ sở.

- Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2016 của Ban quản lý Chương trình UN-REDD giai đoạn II tỉnh Bắc Kạn;

- Các văn bản khác có liên quan và tình hình giá cả thực tế tại thời điểm lập dự toán.

9.2. Dự toán kinh phí và nguồn thực hiện

Dự toán kinh phí lập quy hoạch gồm 2 phần cụ thể như sau:

a) Phần chi phí theo định mức quy định tại Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT, ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tỉnh Bắc Kạn nằm trong vùng núi và trung du Bắc Bộ có tổng diện tích là 4859.41 km² vì vậy có H₁= 1,0; H₂= 1,4; H₃= 1,45; Q_n = 0,13 và K =1,28278 (Hệ số điều chỉnh lương tối thiểu và mặt bằng giá tiêu dùng tại thời điểm 02/2016 với K = K1 + K2, với K1 = 0,3129, K2 = 0,9698).

$$\begin{aligned} \text{Giá QH:} &= (G_{\text{chuẩn}} \times H_1 \times H_2 \times H_3 \times Q_n \times K) \times 65\% \\ &= (850.000.000 \times 1,0 \times 1,4 \times 1,25 \times 0,13 \times 1,28278) \times 65\% = \\ &161.237.429 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

- Thuế giá trị gia tăng: 161.237.429 x 10% = 16.123.743 (đồng)

- Tổng cộng: 161.237.249 + 16.123.743 = 177.361.172 (đồng)

(Có bảng phụ lục 01 chi tiết kèm theo).

b) Phần chi phí chưa có trong định mức của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT, ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (theo hướng dẫn tại khoản 2, điều 3, Chương I)

Chi phí khảo sát, rà soát, điều chỉnh ranh giới 3 loại rừng ngoài thực địa: Căn cứ vào Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB, ngày 26 tháng 02 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức lao động điều tra quy hoạch rừng và các chi phí khác theo hướng dẫn tại phụ lục X, thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/2/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kinh phí xây dựng theo đề cương nhiệm vụ là 2.193.380.667 đồng *(Có bảng phụ lục 02 chi tiết kèm theo).*

Tổng cộng chi phí lập quy hoạch:

$$177.361.172 + 2.193.338.540 = 2.370.699.712 \text{ đồng}$$

(Làm tròn số : 2.370.699.000 đồng)

9.3. Nguồn kinh phí

Được hỗ trợ từ Ban quản lý Chương trình UN-REDD giai đoạn II tỉnh Bắc Kạn (Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn)